1. BTN ĐÚNG SAI

<https://www.studocu.vn/vn/document/truong-dai-hoc-mo-thanh-pho-ho-chi-minh/luat-so-huu-tri-tue/cau-hoi-nhan-dinh-dung-sai-luat-so-huu-tri-tue-co-dap-an/108258918>

1. FILE GHI BÀI CỦA ANH TRƯỜNG

<https://drive.google.com/drive/folders/1nkGCXEADV-pCvv4rPZWxO1otSMnP8JTW?fbclid=IwY2xjawJ347dleHRuA2FlbQIxMQBicmlkETFiNkVMcU90em8yMXFEMmEzAR5A3H1oCutjd7PPUAZ2PbhEV8VPuX8pDhghmQTjvshLX7_UWqbJPZrxESUG2w_aem_Jfn1H4iW74rZ2NDHfuTeYA>

1. File đúng sai pchi

<https://docs.google.com/document/d/17JvnSJLSlNzVvPr-ISUNkPmCLlmS97hn7W4So5s85W0/edit?fbclid=IwY2xjawKLHKVleHRuA2FlbQIxMABicmlkETFvVlFib1VsbWkzS1BoallkAR7sNO_fFJmtrCDKuMV2j08KsHMM3JuI9-4764pHIBlgqCTdGBw1hF4P2aeM7A_aem_ccQuPRYOzzPQyErWgK6grQ&tab=t.0#heading=h.tc9v076h5z6x>

1. BÀI TẬP TÍNH HUỐNG QUYỀN SHCN

**BT1.** Công ty A được thành lập từ năm 2000 tại Hoa Kỳ, chuyên sản xuất sản phẩm ghế ngồi ô tô cho trẻ em. Năm 2005, Công ty A đã được cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cấp bằng độc quyền sáng chế dành cho sản phẩm ghế ngồi ô tô kết hợp nôi xách cho trẻ em.

Năm 2020, lần đầu tiên Công ty A xuất khẩu sản phẩm ghế ngồi ô tô kết hợp nôi xách nói trên sang thị trường Việt Nam thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty B của Việt Nam. Tuy nhiên khi hợp đồng đầu tiên được hoàn thành, Công ty B không liên lạc để tiếp tục đặt mua thêm hàng nữa. Sau đó, Công ty A ký hợp đồng tương tự với Công ty C.

Khi hàng hóa đang được Công ty C bán trên thị trường thì Công ty C biết được Công ty B đã được Cục SHTT VN cấp bằng độc quyền sáng chế cho sản phẩm ghế ngồi ô tô kết hợp nôi xách cho trẻ em có kiểu dáng và chức năng tương tự như sản phẩm Công ty C nhập từ Công ty A.

Công ty C đã gửi văn bản khiếu nại, yêu cầu Công ty A bồi thường thiệt hại vì đã khiến Công ty C trở thành bên bán hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Công ty B cũng gửi yêu cầu Công ty A không được xuất khẩu sản phẩm tới thị trường VN nữa.

**a) Yêu cầu của Công ty B có phù hợp không?**

CCPL: Điểm b Khoản 1 Điều 123:

b) Ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 125 của Luật này;”

=> yêu cầu này là phù hợp

# 

| STT | CÂU HỎI | Bài làm |
| --- | --- | --- |
| 1 | Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định | * Khẳng định đúng * Căn cứ: Khoản 1 Điều 6: “Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện d­ưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay ch­ưa công bố, đã đăng ký hay ch­ưa đăng ký.” * Giải thích: khi tác phẩm được sáng tạo ra và được thể hiện dưới dạng vật chất nhất định như tác phẩm văn học.. Thì quyền tác giả đã được xác lập. Quyền tác giả không xác lập dựa trên việc đã công bố hay đã đăng ký bảo hộ mà chỉ cần tác phẩm ra đời thì quyền tác giả đã được hình thành. |
| 2 | Các bản ghi âm, ghi hình đều là đối tượng được bảo hộ của quyền liên quan | * Khẳng định Sai * CCPL: khoản 2,4 điều 17 * Giải thích: Khoản 2 quy định các TH mà các bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ. Theo đó: bản ghi âm ghi hình thuộc đối tượng bảo hộ của quyền liên quan khi: Bản ghi âm, ghi hình của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình có quốc tịch Việt Nam; Bản ghi âm, ghi hình của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Ngoài ra “Cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa chỉ được bảo hộ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này với điều kiện không gây ph­ương hại đến quyền tác giả.” NGhĩa là không phải mọi bản ghi âm ghi hình đều được bảo hộ mà nó phải đáp ứng các điều kiện tại KHoản 2 Điều 17, thêm vào đó là các bản ghi âm ghi hình này không gây phương hại đến quyền tác giả thì mới được bảo hộ |
| 3 | Các quyền nhân thân thuộc quyền tác giả đều không thể chuyển nhượng cho người khác |  |
| 4 | Tác phẩm hết thời hạn bảo hộ sẽ thuộc quyền sở hữu của nhà nước |  |
| 5 | Các phát minh, phương pháp toán học có thể đăng ký bảo hộ là sáng chế |  |
| 6 | Chỉ những cuộc biểu diễn được thực hiện ở Việt nam mới được bảo hộ theo Luật SHTT Việt Nam |  |
| 7 | Tổ chức phát sóng khi sử dụng bản ghi âm, ghi hình để thực hiện chương trình phát sóng phải trả thù lao cho nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình |  |
| **8** | **Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền** | * Khẳng định sai * CCPL: Điểm b Khoản 3 Điều 6 * Giải thích: Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó. Vậy theo quy định pháp luật quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại sẽ là việc sử dụng hợp pháp tên thương mại đó chứ không phải là trên cơ sở đăng ký với cơ quan NN có thẩm quyền |
| 9 | Nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được biết đến rộng rãi ở Việt Nam | * Khẳng định đúng * CCPL: điều 4.20 * Giải thích: Nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam. |
| 10 | Quyền đối với tên thương mại không thể là đối tượng của các hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp | * Khẳng định đúng * CCPL: KHoản 1 điều 142 * Giair thích: Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, tên thương mại không được chuyển giao. |
| 11 | Chỉ có chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ được lựa chọn biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ khi có hành vi xâm phạm | * Khẳng định sai * CCPL: khoản 6 điều 136a;khoản 1a Điều 198 * Giải thích: * Tổ chức chủ trì được cấp văn bằng bảo hộ cho sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được đăng ký cũng có thể thực hiện biện pháp bảo vệ * Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình. Nghĩa là các tổ chức cá nhân khác cũng có thể áp dụng các biện pháp nhằm bảo vệ quyền SHTT khi được chủ thể quyền SHTT ủy quyền |
| 12 | Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ vô thời hạn | * Khẳng định đúng * CCPL: Khoản 7 Điều 93 * Giải thích: Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp. |
| 13 | Quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thuộc hạng không độc quyền | * Khẳng định đúng * CCPL: điểm a khoản 1 Điều 148 * Giải thích: “Quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải phù hợp với các điều kiện sau đây: Quyền sử dụng được chuyển giao thuộc dạng không độc quyền”. |
| 14 | Chỉ những hành vi sử dụng trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự hoặc có liên quan tới hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu, có khả năng gây nhầm lẫn mới bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu |  |
| 15 | Thời hạn bảo hộ đối với nhãn hiệu nổi tiếng là không xác định | * Khẳng định đúng * CCPL: điều 4.20 * Giải thích: nhãn hiệu nổi tiếng được bảo hộ cho đến thời điểm không còn được BP công chúng liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ VN. Theo đó nhãn hiệu nổi tiếng được bảo hộ phụ thuộc vào độ nhận biết của công chúng. |
| 16 | Chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ nếu điều kiện địa lý tạo nên danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý bị thay đổi |  |
| 17 | Chương trình máy tính được bảo hộ như tác phẩm văn học thuộc đối tượng bảo hộ quyền tác giả |  |
| 18 | Văn bằng bảo hộ sáng chế có hiệu lực trong 20 năm tính từ ngày cấp |  |
| 19 | Văn bằng bảo hộ sáng chế bị chấm dứt hiệu lực trong trường hợp chủ văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực |  |
| 20 | Người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao quyền sử dụng đó cho người khác theo một hợp đồng thứ cấp |  |
| 21 | Nhãn hiệu phải là những dấu hiệu nhìn thấy được |  |
| 22 | Đối tượng SHCN được bảo hộ không xác định thời hạn bao gồm: Bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại |  |
| 23 | Chủ sở hữu sáng chế có nghĩa vụ phải sử dụng sáng chế đã được bảo hộ |  |
| 24 | Quyền sử dụng tên thương mại không được quyền chuyển giao |  |
| 25 | Khi tác phẩm thuộc về công chúng, tất cả các quyền tác giả đồng thời thuộc về công chúng |  |
| 26 | Chương trình máy tính được bảo hộ như tác phẩm khoa học thuộc đối tượng bảo hộ quyền tác giả |  |
| 27 | Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp là việc chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó cho cá nhân, tổ chức khác |  |
| 28 | Người làm tác phẩm phái sinh dù không nhằm mục đích thương mại vẫn phải xin phép tác giả, chủ sở hữu tác phẩm gốc trừ trường hợp chuyển tác phẩm sang ngôn ngữ cho người khiếm thị |  |
| 29 | Tên thương mại là tên gọi của tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được sử dụng trong hoạt động của họ |  |
| 30 | Trong hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, bên chuyển quyền có thể không phải là chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp đó |  |
| 31 | Văn băng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp bị huỷ bỏ hiệu lực trong trường hợp đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng được điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ |  |
| 32 | Người vẽ tranh minh hoạ cho tác phẩm văn học và người viết tác phẩm văn học đó là đồng tác giả của tác phẩm văn học đó |  |
| 33 | Người dịch, cải biên, chuyển thể tác phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả |  |
| 34 | Quy trình xử lý chất thải có thể đăng ký bảo hộ là sáng chế |  |
| 35 | A không hề tham khảo thông tin về sáng chế của B (đã được cấp bằng độc quyền sáng chế và đang trong thời hạn bảo hộ tại Việt Nam) nhưng đã tự tạo ra sáng chế giống như vậy để áp dụng vào sản xuất và bán sản phẩm trên thị trường Việt Nam. Hành vi của A không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. |  |
| 36 | Sáng chế được bảo hộ trong thời hạn 20 năm tính từ ngày nộp đơn xin bảo hộ sáng chế |  |
| 37 | Việc chuyển nhượng, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan chỉ được thực hiện đối với các quyền tài sản. |  |
| 38 | Các hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp chỉ có hiệu lực khi đăng ký tai cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp |  |
| 39 | Tác phẩm được bảo hộ không cần phải đáp ứng điều kiện về nội dung, chất lượng nghệ thuật |  |
| 40 | Quyền tác giả không bảo hộ nội dung, ý tưởng sáng tạo |  |
| 41 | Các quyền nhân thân thuộc quyền tác giả đều được bảo hộ vô thời hạn |  |
| 42 | Nhãn hiệu là dấu hiệu được sử dụng cho hàng hoá để phân biệt sản phẩm của các nhà sản xuất khác nhau |  |
| 43 | Kiểu dáng công nghiệp sẽ bị mất tính mới nếu đã bịcông bố công khai trước thời điểm nộp đơn |  |
| 44 | Người dịch, cải biên, chuyển thể tác phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả |  |
| 45 | Các tác phẩm đều có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết |  |
| 46 | Nhãn bao gói bánh, kẹo có thể đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp |  |
| 47 | Thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ chỉ bao gồm các tổn thất về tài sản |  |
| 48 | Dịch giả có quyền đặt tên cho tác phẩm dịch mà họ là tác giả |  |
| 49 | Tổ chức, cá nhân Việt Nam chỉ có thể đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo thoả ước Madrid nếu đã được cấp văn bằng bảo hộ tại Việt Nam |  |
| 50 | Sử dụng bao bì sản phẩm có cách trình bày tổng thể tương tự gây nhầm lẫn với bao bì sản phẩm của chủ thể kinh doanh khác cho hàng hoá trùng không vi phạm quyền sở hữu công nghiệp nếu nhãn hiệu trên đó không trùng hoặc tương tự |  |
| 51 | Chỉ có chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ được lựa chọn biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ khi có hành vi xâm phạm |  |
| 52 | Chỉ có tổ chức, cá nhân nộp đơn đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp mới là chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp đó |  |
| 53 | Tiền thù lao trả cho tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp được tính theo % lợi nhuận thu được do sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp đó, nếu các bên không có thoả thuận khác |  |
| 54 | Nhãn hiệu tập thể có thể do các hội, liên hiệp hoặc tổng công ty đăng ký |  |
| 55 | Công chúng có tác quyền tài sản và quyền nhân thân đối với các tác phẩm hết thời hạn bảo hộ |  |
| 56 | Chỉ dẫn địa lý là tên địa danh để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm |  |
| 57 | Bài giảng, bài phát biểu chỉ được bảo hộ quyền tác giả khi được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định |  |
| 58 | Tên thương mại là tên gọi của tất cả các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp được sử dụng trong hoạt động của nó |  |
| 59 | Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên áp dụng đối với việc đăng ký tất cả các đối tượng sở hữu công nghiệp mà pháp luật quy định phải đăng ký bảo hộ |  |
| 60 | Chỉ có tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ mới có quyền đăng ký nhãn hiệu |  |
| 61 | Tác phẩm được bảo hộ không cần phải đáp ứng điều kiện về nội dung, chất lượng nghệ thuật |  |
| 62 | Tổ chức quản lý tập thể chỉ dẫn địa lý là chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý |  |
| 63 | Tất cả các hành vi sử dụng nhãn hiệu hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ là hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý |  |
| 64 | Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể ra quyết định bắt buộc quyền chuyển giao sử dụng sáng chế mà không cần được sự đồng ý của người nắm độc quyền sử dụng sáng chế |  |
| 65 | Văn bằng bảo hộ sáng chế có thể bị chấm dứt hiệu lực nếu chủ văn bằng không nộp lệ phí duy trì hiệu lực |  |
| 66 | Chỉ có chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ được lựa chọn biện pháp bảo vệ quyền SHTT khi có hành vi xâm phạm |  |
| 67 | Nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt và không được bảo hộ nếu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu của người khácđã được cấp văn bằng bảo hộ hoặc có ngày nộp đơn sớm hơn |  |
| 68 | Người đăng ký chỉ dẫn địa lý không trở thành chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đó |  |
| 69 | Văn bằng bảo hộ sáng chế có hiệu lực trong 20 năm tính từ ngày cấp |  |
| 70 | Người sử dụng tác phẩm thuộc sở hữu Nhà nước phải xin phép sử dụng và thanh toán nhuận bút, thù lao |  |
| 71 | Chỉ có bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý là đối tượng được bảo hộ không xác định thời hạn |  |
| 71 | Các thông tin là bí mật kinh doanh có thể bảo hộ với danh nghĩa là sáng chế |  |
| 72 | Các tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương đó đều được sử dụng chỉ dẫn địa lý |  |
| 73 | Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ vô thời hạn |  |
| 74 | Quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo QĐ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thuộc dạng không độc quyền |  |
| 75 | Thời hạn bảo hộ đối với nhãn hiệu nổi tiếng là không xác định |  |
| 76 | Chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ nếu điều kiện địa lý tạo nên danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý bị thay đổi |  |
| 77 | Văn bằng bảo hộ sáng chế bị chấm dứt hiệu lực trong trường hợp chủ văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực |  |
| 78 | Người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo QĐ của CQNN có TQ có quyền chuyển giao quyển sử dụng đó cho một người khác theo một hợp đồng thứ cấp |  |